

Bản án số: 18/2021/DS-PT

Ngày: 18/01/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ng Dung

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trường Thọ

Ông Đặng Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ng Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2020/TLPT-DS, ngày 08 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 332/2020/QĐ-PT, ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1970 (có mặt).

- *Bị đơn:* 1/ Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1972 (vắng).

2/ Anh Phạm Văn Mười M, sinh năm 1973 (vắng).

Tất cả cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của chị H và anh M là anh Huỳnh Phước Th, sinh năm 1986, Địa chỉ: số 23/2, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (ủy quyền ngày 12/01/2021, có mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Ng là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày:* Chị Ng cho vợ chồng anh M, chị H vay tiền nhiều lần nhưng không nhớ ngày tháng năm, chỉ nhớ lần cuối cùng là ngày 14/6/2018, tổng số tiền vay là 232.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận 1%/ tháng. Vợ chồng chị H và anh M đóng tiền lãi được 4 tháng số tiền là 9.000.000 đồng thì ngưng. Theo biên nhận ngày 01/02/2014 số tiền 135.000.000 đồng chị H, anh M ký tên vay tiền, sau đó chị H viết lại biên nhận ngày 14/6/2018 chỉ có chị H ký tên, số tiền 217.690.000 đồng bao gồm các khoản nợ tiền cam 120.000.000 đồng; tiền nợ 02 chỉ vàng 24K quy ra 6.000.000 đồng; tiền nợ 35.000.000 đồng, và 20.000.000 đồng tiền lãi; tiền mượn đám tiệc và tiền mượn đóng hụi 15.090.000 đồng. Nay chị Ng yêu cầu vợ chồng chị H, anh M trả số tiền vốn là 232.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 14/6/2018 đến ngày 14/02/2020 là 20 tháng lãi suất 1% bằng số tiền 37.400.000 đồng và số tiền 217.690.000 đồng, tổng cộng là 487.090.000 đồng.

- *Tại bản tự khai ngày 16/4/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày:* Chị H có vay tiền của chị Ng nhiều lần đến ngày 14/6/2018 chị H viết biên nhận nợ số tiền 232.000.000 đồng, M mình chị H mượn số tiền này để lo cho bản thân không liên quan gia đình chị H. Số tiền 217.690.000 đồng là tiền lãi của số tiền 232.000.000 đồng theo biên nhận ngày 14/6/2018, chị H có viết giấy nợ lãi. Chị H chỉ đồng ý trả cho chị Ng số tiền nợ vốn là 232.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi 37.400.000 đồng và số tiền theo biên nhận lãi 217.690.000 đồng.

- *Tại bản tự khai ngày 16/4/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn Mười M trình bày:* Việc vay tiền giữa chị H và chị Ng thì anh Mười M không biết, chữ ký trong giấy biên nhận ngày 01/02/2014 tại mục chữ ký anh Mười M là do chị H ký thay. Nay anh Mười M đồng ý cùng với chị H trả số tiền 232.000.000 đồng cho chị Ng, không đồng ý trả số tiền lãi là 37.400.000 đồng và số tiền biên nhận lãi là 217.690.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 280, 463, 466, 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

.....

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng yêu cầu chị Trần Thị Thanh H và anh Phạm Văn Mười M trả lại số tiền 217.690.000đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chấp nhận M phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng. Buộc chị Trần Thị Thanh H và anh Phạm Văn Mười M có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Ng số tiền 232.000.000đồng và lãi suất 35.822.800đồng tổng cộng là 267.822.800đồng, về không chấp nhận yêu cầu tính lãi của chị Nguyễn Thị Ng đối với số tiền 10.577.200đồng, lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 11 năm 2020 nguyên đơn chị Ng có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung sửa M phần bản án sơ thẩm buộc chị H và anh M trả cho chị Ng số tiền 217.690.000đồng theo biên nhận lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo chị Ng thay đổi kháng cáo chỉ yêu cầu chị H, anh M có nghĩa vụ trả chị Ng số tiền lãi 4 năm của số tiền $(135.000.000đ + 80.800.000đ = 215.800.000đ) \times \text{lãi suất } 0,83\% / \text{tháng} = 85.974.000đ$. Người đại diện hợp pháp của chị H, anh M là anh Thanh có ý kiến chị H, anh M đồng ý trả chị Ng số tiền 85.974.000đ là tiền lãi 4 năm của số tiền 135.000.000đ và 80.8700.000đ.

Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chấp nhận kháng cáo của chị Ng, Sửa bản án dân sự sơ thẩm; chị H, anh M có nghĩa vụ trả chị Ng số tiền lãi của số tiền nợ vốn 215.800.000đ là 85.974.000đ; Chị Ng không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của chị Ng còn trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo chị Ng và người đại diện hợp pháp của chị H, anh M là anh Thanh đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau: Chị H, anh M có nghĩa vụ trả chị Ng số tiền lãi 4 năm của số tiền 215.800.000đ bằng số tiền 85.974.000đ. Xét sự thỏa thuận giữa chị Ng và người đại diện hợp pháp của chị H, anh M là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử thống nhất công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Án phí sơ thẩm: Chị H, anh M phải chịu án phí của số tiền buộc phải trả chị Ng $85.974.000đ \times 5\% = 4.298.700đ$, án phí của số tiền buộc chị H và anh M trả cho chị Ng không có kháng cáo là $267.822.800đ \times 5\% = 13.391.140đ$, tổng cộng là 17.689.800đ.

- Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền án sơ thẩm không chấp nhận là $10.577.200đ \times 5\% = 528.800đ$.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chấp nhận M phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng. Buộc chị Trần Thị Thanh H và anh Phạm Văn Mười M có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Ng số tiền 232.000.000đồng và tiền lãi 35.822.800đồng, tổng cộng là 267.822.800đồng, về không chấp nhận yêu cầu tính lãi của chị Nguyễn Thị Ng đối với số tiền 10.577.200đồng không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Sửa M phần bản án sơ thẩm số 62/2020/DS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

1. Sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị Ng, chị Trần Thị Thanh H và anh Phạm Văn Mười cụ thể như sau:

Chị Trần Thị Thanh H và anh Phạm Văn Mười M có nghĩa vụ trả chị Nguyễn Thị Ng số tiền lãi 4 năm của số tiền 215.800.000đ bằng số tiền 85.974.000đ (tám mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

2. Về án phí : Áp dụng Điều 147,148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Trần Thị Thanh H, anh Phạm Văn Mười M phải nộp án phí sơ thẩm 17.689.800đ (mười bảy triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn tám trăm đồng).

- Chị Nguyễn Thị Ng không phải nộp án phí phúc thẩm. Chị Nguyễn Thị Ng phải nộp án phí sơ thẩm là 528.800đ (năm trăm hai mươi tám ngàn tám trăm đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 11.742.000đồng theo biên lai thu số 0010003 ngày 10/3/2020 và số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng theo biên lai thu số 0010632 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Chị Ng được nhận lại số tiền chênh lệch là 11.513.200đồng (mười M triệu, năm trăm mười ba ngàn, hai trăm đồng).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chấp nhận M phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng. Buộc chị Trần Thị Thanh H và anh Phạm Văn Mười M có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Ng số tiền 232.000.000đồng và lãi suất 35.822.800đồng tổng cộng là 267.822.800đồng (hai trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi hai ngàn tám trăm đồng), về không chấp nhận yêu cầu tính lãi của chị Nguyễn Thị Ng đối với số tiền 10.577.200đồng không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ Nghiệp vụ ;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ng Dung